

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

BÙI THỊ THÙY DUNG

HOÀN THIÊN PHÁP LUẬT
VỀ AN NINH MẠNG Ở VIỆT NAM

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT
Mã số: 9380106

HÀ NỘI - 2026

**Công trình được hoàn thành tại
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS.TS Bùi Thị Hạnh



2. PGS.TS Nguyễn Thị Tuyết Mai



Phản biện 1:

.....

Phản biện 2:

.....

Phản biện 3:

.....

**Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện
hợp tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm 20....

**Có thể tìm hiểu luận án tại: Thư viện Quốc gia
và Thư viện Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong bối cảnh hiện nay, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số, Internet và các nền tảng kết nối, không gian mạng (KGM) đã trở thành môi trường thiết yếu đối với hoạt động của Nhà nước, nền kinh tế và đời sống xã hội. Trong bối cảnh phát triển của trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, Internet vạn vật và các nền tảng số xuyên biên giới, ANM không chỉ được tiếp cận như vấn đề bảo vệ kỹ thuật hệ thống thông tin mà còn là vấn đề chính trị - pháp lý gắn với bảo vệ ANQG, TTATXH, chủ quyền số, quyền con người, quyền công dân và phát triển bền vững.

Tại Việt Nam, quá trình xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số đã tạo ra những tiền đề quan trọng cho phát triển đất nước. Kéo theo đó, KGM đã trở thành địa bàn trọng yếu, nhạy cảm, nơi tập trung nhiều nguy cơ xâm phạm ANQG và quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Nhận thức rõ yêu cầu đó, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã ban hành nhiều chủ trương, quan điểm chỉ đạo có ý nghĩa chiến lược đối với bảo vệ Tổ quốc trên KGM, bảo đảm ANM và thúc đẩy chuyển đổi số. Thời gian qua, Nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản pháp luật quan trọng như Luật An toàn thông tin mạng năm 2015, Luật An ninh mạng năm 2018 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Tuy nhiên, thực tiễn phát triển nhanh chóng của công nghệ và KGM đặt ra yêu cầu phải tiếp tục nghiên cứu toàn diện, hệ thống và chuyên sâu hơn pháp luật về ANM. Từ những phân tích trên, việc nghiên cứu đề tài “Hoàn thiện pháp luật về an ninh mạng ở Việt Nam” là yêu cầu khách quan, cấp bách và có ý nghĩa chiến lược.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu của luận án là xây dựng cơ sở lý luận vững chắc và xác lập bộ tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện của pháp luật về ANM ở Việt Nam. Trên cơ sở đó, luận án tiến hành phân tích thực trạng pháp luật hiện hành, nhận diện ưu điểm, hạn chế, bất cập và nguyên nhân, từ đó đề xuất các định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật nhằm nâng cao hiệu

quả bảo vệ ANM trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế. Trên cơ sở cách tiếp cận quản trị rủi ro trong hoàn thiện pháp luật về ANM, Luận án đã nhấn mạnh yêu cầu xây dựng hệ thống pháp luật vừa bảo đảm hiệu quả bảo vệ ANQG, vừa bảo đảm tính minh bạch, khả thi và kiểm soát quyền lực nhà nước trong môi trường số.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu trên, luận án thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu sau:

Một là, tổng quan, đánh giá các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến đề tài, qua đó xác định khoảng trống nghiên cứu, câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu.

Hai là, xây dựng cơ sở lý luận của pháp luật về ANM và hoàn thiện pháp luật về ANM; làm rõ khái niệm, đặc điểm, vai trò, phạm vi, cấu trúc và nội dung của pháp luật về ANM ở Việt Nam.

Ba là, xác lập bộ tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện của pháp luật về ANM, gồm các tiêu chí về nội dung pháp luật, kỹ thuật pháp lý và thực thi pháp luật.

Bốn là, khảo cứu kinh nghiệm xây dựng pháp luật về ANM của một số quốc gia, khu vực, tổ chức quốc tế để rút ra giá trị tham khảo phù hợp với Việt Nam.

Năm là, phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn thực thi pháp luật về ANM ở Việt Nam theo các tiêu chí đã xác lập và theo các nhóm chế định cơ bản; chỉ ra ưu điểm, hạn chế, bất cập và nguyên nhân.

Sáu là, đề xuất định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật về ANM ở Việt Nam.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là pháp luật về ANM ở Việt Nam dưới góc độ ngành Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật. Luận án nghiên cứu sáu nhóm chế định cơ bản của pháp luật về ANM, gồm: nguyên tắc bảo vệ ANM; hành vi vi phạm (HVVP) pháp luật về ANM; chế tài xử lý HVVP; địa vị pháp lý của các chủ thể; biện pháp bảo vệ ANM; hợp tác quốc tế trong lĩnh vực ANM.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung, luận án tập trung nghiên cứu pháp luật về ANM ở Việt Nam theo sáu nhóm chế định cơ bản và đánh giá theo các tiêu chí về nội dung pháp luật, kỹ thuật pháp lý và thực thi pháp luật.

Về không gian, luận án nghiên cứu pháp luật về ANM tại Việt Nam; đồng thời khảo cứu có chọn lọc pháp luật và kinh nghiệm của một số quốc gia, khu vực, tổ chức quốc tế có giá trị tham khảo đối với Việt Nam như Hoa Kỳ, Liên minh châu Âu, Liên bang Nga, Trung Quốc, Singapore và một số cơ chế hợp tác quốc tế liên quan đến ANM.

Về thời gian, luận án nghiên cứu hệ thống pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về ANM ở Việt Nam giai đoạn từ khi Luật An toàn thông tin mạng năm 2015 và Luật An ninh mạng năm 2018 được ban hành đến hết năm 2025.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được nghiên cứu trên nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật; Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013, sửa đổi, bổ sung năm 2025; các điều ước, hiệp định mà Việt Nam tham gia hoặc ký kết; quan điểm chỉ đạo của Đảng, chính sách của Nhà nước về bảo vệ ANQG, bảo đảm TTATXH, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam và phát triển KGM an toàn, lành mạnh.

4.2. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Luận án được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, pháp luật về ANM được đặt trong mối quan hệ vận động giữa yêu cầu bảo vệ ANQG, bảo đảm TTATXH, bảo vệ quyền con người, quyền công dân và yêu cầu phát triển KGM an toàn, lành mạnh. Trên nền tảng phương pháp luận đó, luận án sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu: phương pháp phân tích quy phạm pháp luật; phương pháp hệ thống hóa và tổng hợp; phương pháp lịch sử pháp lý; phương pháp so sánh pháp luật; phương pháp phân tích tình huống, vụ việc; phương pháp thống kê mô tả và xử lý dữ liệu thứ cấp; phương pháp

phỏng vấn, trao đổi chuyên gia Bên cạnh các phương pháp nghiên cứu pháp lý truyền thống, luận án sử dụng phương pháp phỏng vấn, trao đổi chuyên gia nhằm kiểm chứng, bổ sung và làm sâu sắc hơn các nhận định về thực trạng pháp luật, thực tiễn thực hiện pháp luật và tính khả thi của các giải pháp hoàn thiện pháp luật về ANM.

5. Những đóng góp mới về khoa học của luận án

Luận án có một số đóng góp mới về khoa học như sau:

- Luận án làm rõ khái niệm, đặc điểm, vai trò, nội dung của pháp luật về ANM, xây dựng cơ sở khoa học để đánh giá mức độ hoàn thiện của lĩnh vực pháp luật này; phân tích hệ thống pháp luật hiện hành theo các nhóm chế định cơ bản, nhận diện những khoảng trống pháp lý, sự chồng chéo, thiếu thống nhất và những hạn chế trong cơ chế thực thi. Từ đó, đề xuất định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật về ANM ở Việt Nam. Luận án xây dựng cấu trúc pháp luật về ANM theo sáu nhóm chế định cơ bản gồm: nguyên tắc bảo vệ ANM; hành vi vi phạm pháp luật về ANM; chế tài xử lý hành vi vi phạm; địa vị pháp lý của các chủ thể; biện pháp bảo vệ ANM; hợp tác quốc tế trong lĩnh vực ANM.

- Luận án làm rõ những yêu cầu mới đặt ra đối với việc hoàn thiện pháp luật về ANM trong bối cảnh chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, dữ liệu số, trí tuệ nhân tạo và hội nhập quốc tế.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Về lý luận

Luận án góp phần hệ thống hóa và làm rõ cơ sở lý luận về pháp luật ANM, tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện pháp luật và điều kiện bảo đảm hoàn thiện pháp luật về ANM. Luận án cũng nghiên cứu kinh nghiệm pháp luật về ANM của một số quốc gia, khu vực, tổ chức quốc tế, từ đó chỉ ra những vấn đề có giá trị tham khảo đối với Việt Nam.

Bên cạnh đó, luận án hệ thống hóa, phân tích những bất cập, thiếu sót trong sáu nhóm chế định lớn của pháp luật về ANM; đồng thời xác định, luận giải các giải pháp hoàn thiện và bảo đảm thực thi hiệu quả pháp luật về ANM trong bối cảnh Việt Nam hiện nay.

6.2. Về thực tiễn

Luận án là tài liệu tham khảo có giá trị đối với các chủ thể thực hiện nhiệm vụ lập pháp, lập quy, quản lý nhà nước, xây dựng và tổ chức thi

hành pháp luật về ANM ở Việt Nam, đặc biệt trong quá trình sửa đổi, bổ sung, ban hành các văn bản QPPL có liên quan.

Đồng thời, luận án có thể được sử dụng làm tài liệu học thuật, tài liệu tham khảo trong đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu về pháp luật ANM, quản lý nhà nước trên KGM và công tác bảo đảm ANM tại các cơ quan, tổ chức có liên quan.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung luận án được kết cấu gồm 04 chương, 14 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1.1. Những công trình nghiên cứu lý luận hoàn thiện pháp luật về an ninh mạng

Các công trình nghiên cứu lý luận hoàn thiện pháp luật về an ninh mạng trong nước và nước ngoài đã cung cấp nền tảng lý luận chung về hoàn thiện pháp luật, đặc biệt là các tiêu chí như tính đầy đủ, tính đồng bộ, tính thống nhất, tính khả thi, tính minh bạch, tính phù hợp và kỹ thuật lập pháp. Luận án kế thừa hệ tiêu chí chung về hoàn thiện pháp luật, đồng thời phát triển các tiêu chí này cho phù hợp với đặc thù của pháp luật về ANM.

1.1.2. Những công trình nghiên cứu thực tiễn hoàn thiện pháp luật về an ninh mạng

Các công trình nghiên cứu thực tiễn hoàn thiện pháp luật về an ninh mạng trong nước và nước ngoài đã chỉ rõ vai trò của ANM trong bảo vệ ANQG, chủ quyền số, TTATXH và lợi ích quốc gia trên KGM. Tuy nhiên, luận án cần tiếp tục phát triển theo hướng cân bằng giữa yêu cầu bảo vệ ANQG với yêu cầu bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trong Nhà nước pháp quyền.

1.1.3. Những công trình khoa học nghiên cứu giải pháp hoàn thiện pháp luật về an ninh mạng

Các công trình nghiên cứu giải pháp hoàn thiện pháp luật về an ninh mạng trong nước và nước ngoài đã nhận diện các loại HVVP, đặc điểm của tội phạm mạng, khó khăn trong điều tra, thu thập chứng cứ, xác định thẩm quyền và xử lý hành vi có yếu tố xuyên biên giới. Tuy nhiên, luận án cần đánh giá một cách hệ thống mối quan hệ giữa HVVP, chế tài xử lý, biện pháp bảo vệ ANM, địa vị pháp lý của chủ thể và cơ chế thực thi trong một chỉnh thể pháp luật về ANM. Vì vậy, luận án cần phân tích các vấn đề này theo sáu nhóm chế định đã xác định.

1.2. KHÁI QUÁT KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

1.2.1. Khái quát kết quả nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

Qua nghiên cứu, khảo sát các công trình khoa học trong và ngoài nước có liên quan đến đề tài, nghiên cứu sinh rút ra được một số đánh giá như sau:

- Những vấn đề đã được các nghiên cứu giải quyết tương đối rõ ràng, cụ thể: đã xác lập nền tảng lý luận chung để đánh giá chất lượng pháp luật, nhất là các tiêu chí về tính đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, khả thi, minh bạch và kỹ thuật lập pháp.

- Những vấn đề chưa được các nghiên cứu giải quyết đầy đủ: chưa phân định thật rõ phạm vi của pháp luật về ANM với các lĩnh vực pháp luật giáp ranh; chưa xây dựng được bộ tiêu chí chuyên biệt để đánh giá mức độ hoàn thiện của pháp luật về ANM; thiếu sự kết nối giữa phân tích quy phạm và phân tích thực thi; các giải pháp trong nhiều công trình còn mang tính định hướng chung, chưa gắn chặt với hạn chế, nguyên nhân và tiêu chí đánh giá.

- Những vấn đề các nghiên cứu còn tồn tại tranh luận, chưa thống nhất: về phạm vi của ANM; về mối quan hệ giữa bảo vệ an ninh và bảo vệ quyền con người, quyền công dân; mô hình điều chỉnh pháp luật.

1.2.2. Những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu

Bao gồm: Khái niệm và phạm vi nghiên cứu; khung tiêu chí đánh giá; cấu trúc pháp luật về ANM; phân tích thực thi pháp luật; giải pháp hoàn thiện.

1.3. GIẢ THUYẾT VÀ CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

1.3.1. Giả thuyết nghiên cứu

Nếu hệ thống pháp luật về ANM được hoàn thiện theo hướng đồng bộ, khả thi, minh bạch, thích ứng với công nghệ và bảo đảm cân bằng giữa yêu cầu bảo vệ ANQG với bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, thì hiệu quả quản lý nhà nước và bảo vệ ANM ở Việt Nam sẽ được nâng cao.

1.3.2. Câu hỏi nghiên cứu

Câu hỏi nghiên cứu chung là: Pháp luật về ANM ở Việt Nam cần được hoàn thiện theo những tiêu chí, nội dung và cơ chế thực thi nào để bảo đảm tính đầy đủ, đồng bộ, khả thi, minh bạch và thích ứng với sự phát triển nhanh của công nghệ số, đồng thời cân bằng giữa yêu cầu bảo vệ ANQG với bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trên KGM?

Các câu hỏi nghiên cứu cụ thể là:

- (1) Cơ sở lý luận và tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện của pháp luật về ANM cần được xác lập như thế nào?
- (2) Pháp luật về ANM ở Việt Nam hiện nay đang bộc lộ những hạn chế nào?
- (3) Cần hoàn thiện pháp luật về ANM ở Việt Nam theo những định hướng, nhóm giải pháp và thiết kế pháp lý cụ thể nào?

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ AN NINH MẠNG

2.1. KHUNG LÝ THUYẾT NGHIÊN CỨU PHÁP LUẬT VỀ AN NINH MẠNG

2.1.1. Cơ sở xác lập khung lý thuyết nghiên cứu pháp luật về an ninh mạng

- Lý thuyết an ninh mở rộng và an ninh hóa của Barry Buzan, Ole Wæver và Jaap de Wilde là điểm tựa lý thuyết quan trọng để nhận diện ANM như một dạng an ninh phi truyền thống.

- Lý thuyết về chủ quyền số và quyền kiểm soát Internet cho rằng KGM không phải là một không gian hoàn toàn “phi lãnh thổ” hoặc nằm ngoài thẩm quyền của Nhà nước.

- Lý thuyết “code is law” và điều chỉnh bằng kiến trúc kỹ thuật của Lawrence Lessig trong Code and Other Laws of Cyberspace chỉ ra rằng hành vi trên KGM không chỉ được điều chỉnh bởi pháp luật, mà còn bởi chuẩn mực xã hội, thị trường và kiến trúc kỹ thuật.

- Lý thuyết xã hội rủi ro của Ulrich Beck trong tác phẩm Risk Society: Towards a New Modernity.

- Lý thuyết quyền riêng tư, giám sát và nhà nước pháp quyền trong môi trường công nghệ của Daniel J. Solove.

- Bên cạnh đó, lý thuyết nhà nước pháp quyền trong môi trường công nghệ của Mireille Hildebrandt.

2.1.2. Khung lý thuyết tích hợp nghiên cứu pháp luật về an ninh mạng

Luận án lựa chọn khung lý thuyết tích hợp, kết hợp giữa lý thuyết an ninh mở rộng, lý thuyết chủ quyền số, lý thuyết điều chỉnh bằng kiến trúc kỹ thuật, lý thuyết xã hội rủi ro, lý thuyết quyền riêng tư và lý thuyết nhà nước pháp quyền trong môi trường công nghệ để nghiên cứu pháp luật về ANM.

2.2. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM PHÁP LÝ, VAI TRÒ, CẤU TRÚC LÝ LUẬN CỦA PHÁP LUẬT VỀ AN NINH MẠNG Ở VIỆT NAM

2.2.1. Khái niệm pháp luật về an ninh mạng

Pháp luật về ANM là tổng thể các QPPL do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận, điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong hoạt động bảo vệ ANQG, TTATXH, hệ thống thông tin, dữ liệu, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân trên KGM; thông qua việc xác lập nguyên tắc bảo vệ ANM, HVVP, chế tài xử lý, địa vị pháp lý của các chủ thể, biện pháp bảo vệ ANM, cơ chế phối hợp và hợp tác quốc tế; đồng thời đặt việc áp dụng các biện pháp bảo vệ ANM trong giới hạn của Hiến pháp, pháp luật, trách nhiệm giải trình và yêu cầu bảo vệ quyền con người, quyền công dân.

Khái niệm này cho thấy pháp luật về ANM có một số nội hàm cơ bản.

Thứ nhất, pháp luật về ANM là bộ phận của hệ thống pháp luật quốc gia, do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận và được bảo đảm thực hiện bằng quyền lực nhà nước.

Thứ hai, pháp luật về ANM hướng tới mục tiêu bảo vệ đồng thời nhiều lợi ích pháp lý quan trọng, bao gồm ANQG, TTATXH, hệ thống thông tin, dữ liệu, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Thứ ba, pháp luật về ANM không chỉ bao gồm các quy định về hành vi bị cấm và chế tài xử lý, mà còn bao gồm các quy định về nguyên tắc, chủ thể, biện pháp phòng ngừa, quản trị rủi ro, cơ chế phối hợp, cơ chế thực thi và hợp tác quốc tế.

Thứ tư, pháp luật về ANM phải được đặt trong khuôn khổ Nhà nước pháp quyền.

2.2.2. Đặc điểm pháp lý của pháp luật về an ninh mạng

2.2.2.1. Tính liên ngành

Các quy định pháp luật về ANM không chỉ điều chỉnh hành vi của cá nhân, tổ chức trên KGM, mà còn xác lập trách nhiệm của cơ quan nhà nước, lực lượng chuyên trách, chủ quản hệ thống thông tin, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ, tổ chức xử lý dữ liệu và người sử dụng dịch vụ.

2.2.2.2. Tính thích ứng cao với công nghệ

Đặc điểm thích ứng cao với công nghệ còn đòi hỏi pháp luật về ANM phải có cơ chế cập nhật tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong các lĩnh vực như bảo vệ hệ thống thông tin, bảo vệ dữ liệu, lưu vết điện tử, mã hóa, định danh, xác thực, giám sát ANM, báo cáo sự cố, ứng cứu sự cố và phục hồi hệ thống.

2.2.2.3. Tính phòng ngừa và quản trị rủi ro

Tính phòng ngừa của pháp luật về ANM thể hiện trước hết ở các quy định về đánh giá rủi ro, phân loại hệ thống thông tin, kiểm tra ANM, giám sát ANM, cảnh báo nguy cơ, diễn tập ứng phó sự cố, bảo vệ hệ thống thông tin quan trọng và yêu cầu áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn, an ninh thông tin.

2.2.2.4. Tính xuyên biên giới

Đặc điểm xuyên biên giới của pháp luật về ANM còn thể hiện ở việc nhiều chủ thể có vai trò quan trọng trong bảo vệ ANM không đặt trụ sở hoặc hạ tầng kỹ thuật tại Việt Nam, nhưng lại cung cấp dịch vụ cho người dùng tại Việt Nam.

2.2.2.5. Tính đa chủ thể trong thực thi

Bên cạnh Nhà nước, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên KGM là nhóm chủ thể có vị trí đặc biệt quan trọng trong thực thi pháp luật về ANM, chủ quản hệ thống thông tin cá nhân, tổ chức sử dụng KGM vừa là chủ thể được pháp luật bảo vệ, vừa là chủ thể có nghĩa vụ tuân thủ pháp luật về ANM, cá nhân, tổ chức.

2.2.2.6. Tính cân bằng giữa bảo vệ an ninh quốc gia và bảo vệ quyền con người, quyền công dân

Pháp luật về ANM có đặc điểm là luôn phải xử lý mối quan hệ giữa yêu cầu bảo vệ ANQG, TTATXH với yêu cầu bảo vệ quyền con người, quyền công dân, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trên KGM.

2.2.3. Vai trò của pháp luật về an ninh mạng

2.2.3.1. Pháp luật về an ninh mạng là công cụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ chủ quyền quốc gia trên không gian mạng và hệ thống thông tin quan trọng

Pháp luật về ANM có vai trò đặc biệt quan trọng trong bảo vệ ANQG, chủ quyền quốc gia trên KGM, TTATXH và hệ thống thông tin quan trọng.

2.2.3.2. Pháp luật về an ninh mạng là công cụ bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trong môi trường số

Pháp luật về ANM không chỉ là công cụ bảo vệ ANQG, TTATXH, mà còn có vai trò quan trọng trong bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trong môi trường số.

2.2.3.3. Pháp luật về an ninh mạng tạo cơ sở cho quản trị rủi ro công nghệ

Pháp luật về ANM có vai trò quan trọng trong việc tạo lập cơ sở pháp lý cho quản trị rủi ro công nghệ trong môi trường số.

2.2.3.4. Pháp luật về an ninh mạng tạo nền tảng pháp lý cho chuyển đổi số an toàn, minh bạch và bền vững

Pháp luật về ANM có vai trò quan trọng trong việc tạo lập nền tảng pháp lý cho quá trình chuyển đổi số an toàn, minh bạch và bền vững.

2.2.4. Cấu trúc lý luận của pháp luật về an ninh mạng

Cấu trúc lý luận của pháp luật về an ninh mạng gồm sáu nhóm chế định bao gồm: nhóm quy định về nguyên tắc bảo vệ ANM; nhóm quy

định về HVVP pháp luật về ANM; nhóm quy định về chế tài xử lý HVVP; nhóm quy định về địa vị pháp lý của các chủ thể; nhóm quy định về biện pháp bảo vệ ANM; nhóm quy định về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực ANM. Đây là cấu trúc lý luận để nhận diện nội dung của pháp luật về ANM, đồng thời là cơ sở để đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật trong các phần tiếp theo của luận án.

2.3. KHÁI NIỆM VÀ CÁC TIÊU CHÍ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ AN NINH MẠNG Ở VIỆT NAM

2.3.1. Khái niệm hoàn thiện pháp luật về an ninh mạng

Hoàn thiện pháp luật về ANM là quá trình rà soát, đánh giá, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành mới các QPPL về ANM, đồng thời củng cố cơ chế thực thi, thiết chế bảo đảm, nguồn lực, tiêu chuẩn kỹ thuật, cơ chế phối hợp và cơ chế kiểm soát việc áp dụng pháp luật, nhằm xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ, minh bạch, khả thi, thích ứng với sự phát triển của công nghệ, bảo đảm hiệu quả bảo vệ ANQG, TTATXH, đồng thời bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trên KGM.

2.3.2. Các tiêu chí đánh giá sự hoàn thiện pháp luật về an ninh mạng

Thứ nhất, nhóm tiêu chí về nội dung pháp luật, bao gồm tính đầy đủ, tính đồng bộ, khả năng thích ứng với công nghệ và mức độ bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

Thứ hai, nhóm tiêu chí về kỹ thuật pháp lý, bao gồm tính minh bạch và kỹ thuật lập pháp.

Thứ ba, nhóm tiêu chí về thực thi pháp luật, bao gồm tính khả thi và hiệu quả của cơ chế thực thi.

2.4. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ AN NINH MẠNG

2.4.1. Điều kiện chính trị - pháp lý

Trước hết, hoàn thiện pháp luật về ANM phải bảo đảm phù hợp với Hiến pháp. Các quy định pháp luật về ANM phải bảo đảm thống nhất với các nguyên tắc hiến định về bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ ANQG, bảo đảm TTATXH, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; phù hợp với quan điểm, đường lối của Đảng về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

2.4.2. Điều kiện về nhận thức lý luận và tư duy lập pháp

Trước hết, pháp luật về ANM cần được xây dựng trên cơ sở nhận thức đúng về tính liên ngành của lĩnh vực này.

2.4.3. Điều kiện về thiết chế và cơ chế phối hợp

Trước hết, cần có thiết chế thực thi đủ mạnh, có chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được xác định rõ ràng; cần thiết lập cơ chế phối hợp liên ngành thống nhất, thường xuyên và có tính bắt buộc, gắn với cơ chế kiểm soát trách nhiệm.

2.4.4. Điều kiện về nguồn lực con người và kỹ thuật.

Trước hết, cần có đội ngũ chuyên gia pháp lý am hiểu về ANM. Ngoài yếu tố con người, pháp luật về ANM còn đòi hỏi hạ tầng kỹ thuật phù hợp.

2.4.5. Điều kiện về hợp tác quốc tế

Trước hết, hoàn thiện pháp luật về ANM cần gắn với hợp tác quốc tế về chia sẻ thông tin và cảnh báo nguy cơ.

2.4.6. Điều kiện về giám sát, trách nhiệm giải trình và bảo vệ quyền con người, quyền công dân trên không gian mạng

Điều kiện về giám sát, trách nhiệm giải trình và bảo vệ quyền là điều kiện quan trọng bảo đảm cho quá trình hoàn thiện pháp luật về ANM được thực hiện phù hợp với yêu cầu của Nhà nước pháp quyền.

2.5. PHÁP LUẬT VỀ AN NINH MẠNG CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA, TỔ CHỨC QUỐC TẾ, KHU VỰC TRÊN THẾ GIỚI VÀ GIÁ TRỊ THAM KHẢO VỚI VIỆT NAM

2.5.1. Pháp luật về an ninh mạng của một số quốc gia, tổ chức quốc tế, khu vực trên thế giới

Luận án lựa chọn Hoa Kỳ, Liên minh châu Âu, Liên bang Nga, Trung Quốc và Singapore làm đối tượng nghiên cứu so sánh xuất phát từ tính đại diện của các mô hình tiếp cận pháp luật về ANM khác nhau trên thế giới.

2.5.2. Một số bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam

- Xác định an ninh mạng là nội dung trọng yếu của bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và phát triển kinh tế số.
- Bắt buộc sử dụng thông tin thật khi sử dụng dịch vụ trên không gian mạng, nghiêm cấm lan truyền tin tức giả trên mạng xã hội.

- Công khai giám sát, chặn lọc thông tin xuyên tạc, sai sự thật trên không gian mạng.
- Xây dựng bộ quy tắc, tiêu chuẩn, quy chuẩn trong lĩnh vực an ninh mạng.
- Thiết kế chế tài xử phạt theo hướng phân tầng, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả và quy mô vi phạm.

Chương 3

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ AN NINH MẠNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

3.1. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN CỦA PHÁP LUẬT VỀ AN NINH MẠNG Ở VIỆT NAM

Luận án đánh giá quá trình hình thành, phát triển của pháp luật về ANM ở Việt Nam theo sáu nhóm chế định cơ bản của pháp luật về ANM qua các giai đoạn trước năm 2013, từ năm 2013 đến trước thời điểm ban hành Luật An ninh mạng 2018, sau khi ban hành Luật An ninh mạng 2018 đến hiện nay.

3.2. ĐÁNH GIÁ PHÁP LUẬT VỀ AN NINH MẠNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

3.2.1. Những ưu điểm, nguyên nhân ưu điểm của pháp luật về an ninh mạng ở Việt Nam

3.2.1.1. Những ưu điểm của pháp luật về an ninh mạng ở Việt Nam

- Những ưu điểm trong nhóm quy định nguyên tắc bảo vệ an ninh mạng

Thứ nhất, xét theo nhóm tiêu chí về nội dung pháp luật, các quy định về nguyên tắc bảo vệ ANM đã bước đầu bảo đảm tính đầy đủ, tính đồng bộ, khả năng thích ứng với công nghệ và yêu cầu bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể trên KGM. Thứ hai, xét theo nhóm tiêu chí về kỹ thuật pháp lý, các nguyên tắc bảo vệ ANM được quy định trực tiếp trong Luật An ninh mạng năm 2018 với nội dung tương đối khái quát, ổn định và có tính định hướng cao. Thứ ba, xét theo nhóm tiêu chí về thực thi pháp

luật, các nguyên tắc bảo vệ ANM đã tạo cơ sở pháp lý cho việc xác định trách nhiệm và cơ chế phối hợp giữa các chủ thể tham gia bảo vệ ANM.

- Những ưu điểm trong nhóm quy định hành vi vi phạm pháp luật về an ninh mạng

Thứ nhất, xét theo nhóm tiêu chí về nội dung pháp luật, pháp luật hiện hành đã từng bước nhận diện tương đối toàn diện các nhóm HVVP cơ bản trên KGM. Thứ hai, xét theo nhóm tiêu chí về kỹ thuật pháp lý, các HVVP pháp luật về ANM đã từng bước được mô tả cụ thể, rõ ràng hơn. Thứ ba, xét theo nhóm tiêu chí về thực thi pháp luật, việc pháp luật nhận diện tương đối rõ các nhóm HVVP đã tạo cơ sở quan trọng cho hoạt động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý hành vi xâm phạm ANM.

- Những ưu điểm trong nhóm quy định chế tài xử lý hành vi vi phạm pháp luật về an ninh mạng

Thứ nhất, xét theo nhóm tiêu chí về nội dung pháp luật, pháp luật hiện hành đã bước đầu thiết lập được hệ thống chế tài tương đối đa dạng, phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của HVVP. Thứ hai, xét theo nhóm tiêu chí về kỹ thuật pháp lý, các quy định về chế tài đã bước đầu được thiết kế rõ hơn về hình thức xử lý, mức xử lý, thẩm quyền áp dụng và hậu quả pháp lý. Thứ ba, xét theo nhóm tiêu chí về thực thi pháp luật, nhóm quy định về chế tài đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho hoạt động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý và khắc phục hậu quả của hành vi xâm phạm ANM.

- Những ưu điểm trong nhóm quy định địa vị pháp lý của các chủ thể tham gia hoạt động trong lĩnh vực an ninh mạng

Thứ nhất, xét theo nhóm tiêu chí về nội dung pháp luật, pháp luật về ANM đã từng bước xác lập tương đối đầy đủ các nhóm chủ thể tham gia bảo vệ ANM. Thứ hai, xét theo nhóm tiêu chí về kỹ thuật pháp lý, pháp luật đã từng bước phân định rõ hơn quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm và thẩm quyền của từng nhóm chủ thể. Thứ ba, xét theo nhóm tiêu chí về thực thi

pháp luật, nhóm quy định này đã tạo cơ sở cho cơ chế phối hợp đa chủ thể trong bảo vệ ANM.

- Những ưu điểm trong nhóm quy định biện pháp bảo vệ an ninh mạng

Thứ nhất, xét theo nhóm tiêu chí về nội dung pháp luật, pháp luật về ANM đã bước đầu thiết lập được hệ thống biện pháp bảo vệ tương đối toàn diện, bao quát nhiều giai đoạn của quá trình bảo vệ ANM. Thứ hai, xét theo nhóm tiêu chí về kỹ thuật pháp lý, các biện pháp bảo vệ ANM đã được quy định thành những nhóm tương đối rõ ràng, có tên gọi, mục đích và phạm vi áp dụng khác nhau. Thứ ba, xét theo nhóm tiêu chí về thực thi pháp luật, các quy định về biện pháp bảo vệ ANM đã tạo cơ sở pháp lý cho việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo vệ ANM trong thực tiễn.

- Những ưu điểm trong nhóm quy định hợp tác quốc tế về an ninh mạng

Thứ nhất, xét theo nhóm tiêu chí về nội dung pháp luật, pháp luật về ANM đã bước đầu ghi nhận tương đối đầy đủ nội dung hợp tác quốc tế. Thứ hai, xét theo nhóm tiêu chí về kỹ thuật pháp lý, pháp luật đã bước đầu xác lập nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm hợp tác quốc tế trong lĩnh vực ANM theo hướng tương đối rõ ràng. Thứ ba, xét theo nhóm tiêu chí về thực thi pháp luật, các quy định về hợp tác quốc tế đã tạo cơ sở pháp lý cho việc nâng cao năng lực phòng ngừa, phát hiện, điều tra, xử lý và khắc phục hậu quả của các hành vi xâm phạm ANM có yếu tố nước ngoài.

3.2.1.2. Nguyên nhân của những ưu điểm trong pháp luật về an ninh mạng ở Việt Nam

Những ưu điểm của pháp luật về ANM ở Việt Nam không hình thành một cách tự phát, mà là kết quả của quá trình nhận thức, xây dựng chính sách, hoàn thiện thể chế và tổ chức thực thi trong nhiều giai đoạn.

3.2.2. Những tồn tại, bất cập và nguyên nhân tồn tại, bất cập của pháp luật về an ninh mạng ở Việt Nam

3.2.2.1. Những tồn tại, bất cập của pháp luật về an ninh mạng ở Việt Nam

- Tồn tại, bất cập trong nhóm quy định về nguyên tắc bảo vệ an ninh mạng

Thứ nhất, xét theo nhóm tiêu chí về nội dung pháp luật, hệ thống nguyên tắc bảo vệ ANM hiện hành chưa bao quát đầy đủ các yêu cầu đặc

thù của quản trị ANM trong bối cảnh chuyển đổi số. Thứ hai, xét theo nhóm tiêu chí về kỹ thuật pháp lý, một số nguyên tắc bảo vệ ANM còn thiếu tính minh bạch, chưa bảo đảm mức độ rõ ràng cần thiết để áp dụng thống nhất. Thứ ba, xét theo nhóm tiêu chí về thực thi pháp luật, việc chuyển hóa các nguyên tắc bảo vệ ANM thành cơ chế thực hiện cụ thể còn chưa đồng bộ và chưa thật sự khả thi.

- Tồn tại, bất cập trong nhóm quy định hành vi vi phạm pháp luật về an ninh mạng

Thứ nhất, xét theo nhóm tiêu chí về nội dung pháp luật, pháp luật hiện hành chưa bao quát đầy đủ các HVVP mới phát sinh trên KGM. Thứ hai, xét theo nhóm tiêu chí về kỹ thuật pháp lý, một số quy định về HVVP pháp luật về ANM còn thiếu tiêu chí nhận diện cụ thể, dẫn đến khó khăn trong áp dụng thống nhất. Thứ ba, xét theo nhóm tiêu chí về thực thi pháp luật, việc nhận diện, phân loại và đánh giá mức độ nguy hiểm của HVVP pháp luật về ANM còn gặp nhiều khó khăn trong thực tiễn.

- Tồn tại, bất cập trong nhóm quy định về biện pháp bảo vệ an ninh mạng

Thứ nhất, xét theo nhóm tiêu chí về nội dung pháp luật, các biện pháp bảo vệ ANM hiện hành chưa bao quát đầy đủ các nguy cơ, rủi ro mới phát sinh trên KGM. Thứ hai, xét theo nhóm tiêu chí về kỹ thuật pháp lý, một số biện pháp bảo vệ ANM chưa được quy định rõ về điều kiện, phạm vi, trình tự, thủ tục và giới hạn áp dụng. Thứ ba, xét theo nhóm tiêu chí về thực thi pháp luật, việc áp dụng các biện pháp bảo vệ ANM còn gặp khó khăn do hạn chế về nguồn lực, nhân lực, công cụ kỹ thuật và cơ chế phối hợp.

- Tồn tại, bất cập trong nhóm quy định về địa vị pháp lý của các chủ thể tham gia hoạt động trong lĩnh vực an ninh mạng

Thứ nhất, xét theo nhóm tiêu chí về nội dung pháp luật, pháp luật hiện hành chưa xác định đầy đủ và tương xứng địa vị pháp lý của các chủ thể mới trong hệ sinh thái số. Thứ hai, xét theo nhóm tiêu chí về kỹ thuật pháp

lý, một số quy định về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các chủ thể còn chung chung. Thứ ba, xét theo nhóm tiêu chí về thực thi pháp luật, cơ chế phối hợp giữa các chủ thể vẫn còn phân tán, chồng chéo hoặc thiếu đầu mối điều phối thống nhất.

- Tồn tại, bất cập trong nhóm quy định về chế tài xử lý hành vi vi phạm pháp luật về an ninh mạng

Thứ nhất, xét theo nhóm tiêu chí về nội dung pháp luật, hệ thống chế tài hiện hành chưa bao quát đầy đủ các dạng vi phạm mới và chủ thể vi phạm mới trong môi trường số. Thứ hai, xét theo nhóm tiêu chí về kỹ thuật pháp lý, một số quy định về chế tài còn thiếu rõ ràng trong việc phân biệt giữa hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả và biện pháp quản lý nhà nước. Thứ ba, xét theo nhóm tiêu chí về thực thi pháp luật, việc áp dụng chế tài trong thực tiễn còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt đối với pháp nhân thương mại, nền tảng xuyên biên giới và các chủ thể thu lợi lớn từ HVVP trên KGM.

- Tồn tại, bất cập trong nhóm quy định hợp tác quốc tế về an ninh mạng

Thứ nhất, xét theo nhóm tiêu chí về nội dung pháp luật, quy định về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực ANM chưa bao quát đầy đủ các cơ chế hợp tác cần thiết. Thứ hai, xét theo nhóm tiêu chí về kỹ thuật pháp lý, pháp luật hiện hành còn thiếu quy định chi tiết về thu thập, bảo quản, chuyển giao và sử dụng chứng cứ điện tử xuyên biên giới. Thứ ba, xét theo nhóm tiêu chí về thực thi pháp luật, việc hợp tác quốc tế trong lĩnh vực ANM còn gặp khó khăn do khác biệt về quyền tài phán, tiêu chuẩn chứng cứ, trình tự tố tụng, năng lực thực thi và mức độ sẵn sàng hợp tác giữa các quốc gia.

3.2.2.2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế trong pháp luật về an ninh mạng ở Việt Nam

Những tồn tại, bất cập của pháp luật về ANM ở Việt Nam xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, bao gồm cả nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan. Các nguyên nhân này có mối quan hệ tác động qua lại với nhau, phản ánh đặc thù của ANM là lĩnh vực mới, có tính kỹ thuật

cao, tính liên ngành, tính xuyên biên giới và luôn biến đổi nhanh theo sự phát triển của công nghệ.

3.3. ĐÁNH GIÁ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ AN NINH MẠNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

3.3.1. Thực tiễn tuân thủ pháp luật về an ninh mạng

Thực tiễn thực hiện pháp luật về ANM giai đoạn 2019 - 2025 cho thấy ý thức tuân thủ pháp luật của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân đã có chuyển biến tích cực. Bên cạnh kết quả đạt được, thực tiễn tuân thủ pháp luật về ANM vẫn còn nhiều hạn chế. Tình trạng tấn công mạng, gián điệp mạng, lộ, mất bí mật nhà nước, thu thập, mua bán trái phép dữ liệu, lừa đảo trực tuyến, phát tán thông tin sai sự thật và thông tin xấu độc vẫn diễn biến phức tạp.

3.3.2. Thực tiễn thi hành pháp luật về an ninh mạng

Thời gian qua, việc thể chế hóa, ban hành và tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách, đề án, dự án liên quan đến lĩnh vực ANM được triển khai tương đối đồng bộ. Hệ thống văn bản QPPL về ANM, bảo vệ dữ liệu cá nhân, viễn thông, quản lý Internet và an toàn thông tin mạng từng bước được xây dựng, hoàn thiện, tạo hành lang pháp lý cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân triển khai hoạt động bảo đảm an toàn thông tin và ANM. Tuy nhiên, công tác thi hành pháp luật về ANM vẫn còn một số hạn chế.

3.3.3. Thực tiễn sử dụng pháp luật về an ninh mạng

Thực tiễn thời gian qua cho thấy, các cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân đã từng bước sử dụng các quy định, công cụ và cơ chế pháp lý về ANM để bảo vệ hệ thống thông tin, dữ liệu, quyền và lợi ích hợp pháp của mình trên KGM. Tuy nhiên, thực tiễn sử dụng pháp luật về ANM vẫn còn một số hạn chế.

3.3.4. Thực tiễn áp dụng pháp luật về an ninh mạng

Thực tiễn áp dụng pháp luật về ANM thời gian qua đã đạt được nhiều kết quả rõ rệt, nổi bật nhất là trong đấu tranh, xử lý tội phạm và các HVVP

pháp luật trên KGM. Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác áp dụng pháp luật về ANM vẫn còn một số hạn chế. Một số quy định còn chồng chéo giữa các lĩnh vực ANM, an toàn thông tin mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, viễn thông, mật mã và quản lý nền tảng xuyên biên giới, dẫn đến khó khăn trong xác định thẩm quyền, trình tự, thủ tục và trách nhiệm chủ trì khi xử lý vụ việc cụ thể. Nhiều vụ việc liên quan đồng thời đến dữ liệu cá nhân, tài khoản ngân hàng, ví điện tử, thuê bao viễn thông, địa chỉ IP, nền tảng xuyên biên giới, thương mại điện tử và tội phạm công nghệ cao, đòi hỏi sự phối hợp liên ngành chặt chẽ; tuy nhiên, cơ chế pháp lý và quy trình phối hợp hiện nay chưa thật sự đồng bộ.

3.3.5. Nhận xét chung thực tiễn thực hiện pháp luật về an ninh mạng ở Việt Nam

Thực tiễn tổ chức thực hiện pháp luật về an ninh mạng còn nhiều hạn chế trên cả 04 phương diện tuân thủ, thi hành, sử dụng và áp dụng pháp luật. Nổi cộm là tội phạm mạng tinh vi, sự phối hợp liên ngành chưa đồng bộ và sự lúng túng trong xử lý các vụ việc xuyên biên giới. Nguyên nhân xuất phát từ tính phi biên giới của không gian mạng (khách quan) cùng các điểm nghẽn chủ quan về năng lực, hạ tầng và ý thức tuân thủ. Những bất cập trong khâu tổ chức thực hiện này chính là rào cản lớn nhất cản trở hiệu lực của pháp luật. Đây là cơ sở thực tiễn quan trọng để luận án đề xuất các nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành tại Chương 4.

Chương 4

YÊU CẦU, QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ AN NINH MẠNG Ở VIỆT NAM

4.1 YÊU CẦU HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ AN NINH MẠNG Ở VIỆT NAM

- Bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của Đảng, phát huy cao độ tính Đảng trong hoàn thiện pháp luật về an ninh mạng.

- Đổi mới tư duy, định hướng hoàn thiện pháp luật về ANM theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước, vừa khuyến khích đổi mới, sáng tạo.

- Tạo đột phá, gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng, hoàn thiện pháp luật về an ninh mạng với công tác thi hành pháp luật trong thực tế.

- Tăng cường chuyên đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn trong công tác hoàn thiện pháp luật về ANM.

4.2. QUAN ĐIỂM HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ AN NINH MẠNG Ở VIỆT NAM

- Hoàn thiện pháp luật về an ninh mạng phải bảo đảm cân bằng giữa bảo vệ an ninh quốc gia và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

- Hoàn thiện pháp luật về an ninh mạng phải dựa trên quản trị rủi ro, không chỉ dựa trên xử lý sau vi phạm.

- Hoàn thiện pháp luật về an ninh mạng phải bảo đảm tính đồng bộ giữa QPPL và cơ chế thực thi.

- Hoàn thiện pháp luật về an ninh mạng phải thích ứng với công nghệ nhưng không chạy theo từng hiện tượng kỹ thuật đơn lẻ.

4.3. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ AN NINH MẠNG Ở VIỆT NAM

4.3.1. Nhóm giải pháp hoàn thiện nội dung pháp luật về an ninh mạng theo các nhóm chế định

4.3.1.1. Hoàn thiện nhóm quy định về nguyên tắc bảo vệ an ninh mạng

Thứ nhất, bổ sung nguyên tắc quản trị rủi ro ANM. Thứ hai, cụ thể hóa, làm rõ nguyên tắc cân bằng giữa yêu cầu bảo vệ ANQG và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trong các văn bản hướng dẫn thi hành pháp luật về ANM. Thứ ba, bổ sung nguyên tắc về trách nhiệm giải trình trong hoạt động bảo vệ ANM. Thứ tư, bổ sung nguyên tắc phối hợp đa chủ thể trong bảo vệ ANM.

4.3.1.2. Hoàn thiện nhóm quy định hành vi vi phạm pháp luật về an ninh mạng

Thứ nhất, thiết kế lại quy định về HVVP pháp luật về ANM theo mô hình kết hợp giữa liệt kê hành vi điển hình và tiêu chí nhận diện mở.

Thứ hai, bổ sung hoặc cụ thể hóa các nhóm HVVP mới phát sinh trên KGM. Thứ ba, làm rõ ranh giới giữa vi phạm pháp luật hành chính và tội phạm hình sự trong lĩnh vực ANM. Thứ tư, bổ sung, hoàn thiện quy định về chứng cứ điện tử và định lượng thiệt hại trong xử lý HVVP pháp luật về ANM.

4.3.1.3. Hoàn thiện nhóm quy định chế tài xử lý hành vi vi phạm pháp luật về an ninh mạng

Thứ nhất, cần phân tầng chế tài xử lý theo mức độ rủi ro, hậu quả và tính chất nguy hiểm của HVVP. Thứ hai, cần tăng cường các chế tài mang tính khắc phục hậu quả và phục hồi quyền, lợi ích hợp pháp của chủ thể bị xâm phạm. Thứ ba, cần hoàn thiện chế tài đối với tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên KGM. Thứ tư, cần bảo đảm chế tài xử lý không làm phát sinh gánh nặng tuân thủ bất hợp lý đối với cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp. Thứ năm, cần bảo đảm sự thống nhất giữa chế tài hành chính, chế tài hình sự, trách nhiệm dân sự và các biện pháp khắc phục hậu quả.

4.3.1.4. Hoàn thiện nhóm quy định địa vị pháp lý của các chủ thể hoạt động trong lĩnh vực an ninh mạng

Thứ nhất, phân định rõ thẩm quyền giữa các cơ quan nhà nước trong lĩnh vực ANM. Thứ hai, hoàn thiện địa vị pháp lý của lực lượng chuyên trách bảo vệ ANM. Thứ ba, bổ sung, làm rõ trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên KGM. Thứ tư, bổ sung và cụ thể hóa quyền của cá nhân, tổ chức trên KGM. Thứ năm, hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa Nhà nước, doanh nghiệp và người sử dụng trong bảo vệ ANM.

4.3.1.5. Hoàn thiện nhóm quy định về biện pháp bảo vệ an ninh mạng

Thứ nhất, thiết kế các biện pháp bảo vệ ANM theo chuỗi quản trị rủi ro. Thứ hai, quy định rõ điều kiện áp dụng các biện pháp can thiệp vào hệ thống thông tin, dữ liệu và hoạt động trên KGM. Thứ ba, bổ sung nguyên tắc tương xứng trong áp dụng biện pháp bảo vệ ANM. Thứ tư, bổ sung, hoàn thiện cơ chế giám sát, khiếu nại và trách nhiệm giải trình trong áp dụng biện pháp bảo vệ ANM. Thứ năm, hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy

chuẩn kỹ thuật và quy trình nghiệp vụ về bảo vệ ANM. Thứ sáu, hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và chủ quản hệ thống thông tin trong áp dụng biện pháp bảo vệ ANM.

4.3.1.6. Hoàn thiện nhóm quy định hợp tác quốc tế về an ninh mạng

Thứ nhất, nghiên cứu, hoàn thiện quy định về thu thập, bảo toàn và chuyển giao chứng cứ điện tử xuyên biên giới. Thứ hai, bổ sung, hoàn thiện cơ chế hợp tác với nhà cung cấp dịch vụ xuyên biên giới. Thứ ba, bổ sung, mở rộng hợp tác quốc tế về cảnh báo, chia sẻ thông tin và ứng phó sự cố ANM.

4.3.2. Nhóm giải pháp bảo đảm tính đồng bộ, minh bạch và chất lượng lập pháp trong lĩnh vực an ninh mạng

4.3.2.1. Rà soát, hệ thống hóa và xử lý chồng chéo giữa các văn bản pháp luật

Trước hết, cần tổ chức rà soát toàn diện các quy định có liên quan đến ANM trong hệ thống pháp luật hiện hành. Bên cạnh đó, cần xây dựng tiêu chí rà soát thống nhất để bảo đảm kết quả rà soát có giá trị thực tiễn.

4.3.2.2. Nâng cao chất lượng đánh giá tác động chính sách

Nâng cao chất lượng đánh giá tác động chính sách là giải pháp quan trọng. Để nâng cao chất lượng đánh giá tác động chính sách, cần bảo đảm việc đánh giá dựa trên chứng cứ, dữ liệu và tham vấn thực chất.

4.3.2.3. Chuẩn hóa thuật ngữ và kỹ thuật lập pháp

Cần xây dựng hệ thống thuật ngữ pháp lý thống nhất trong lĩnh vực ANM. Đồng thời, cần xây dựng cơ chế giải thích, hướng dẫn áp dụng thuật ngữ pháp lý - kỹ thuật trong lĩnh vực ANM.

4.3.3. Nhóm giải pháp trong tổ chức thực hiện pháp luật về an ninh mạng

4.3.3.1. Nâng cao năng lực của cơ quan thực thi pháp luật về an ninh mạng

Trước hết, cần tăng cường đào tạo chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ thực thi pháp luật về ANM. Đồng thời, cần nâng cao năng lực thực thi pháp luật về ANM ở địa phương, không chỉ tập trung ở cấp trung ương. Ngoài ra, cần hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các cơ quan thực thi pháp luật trong

lĩnh vực ANM. Bên cạnh yếu tố con người, cần đầu tư công cụ kỹ thuật phục vụ phát hiện, cảnh báo, giám sát, điều tra và ứng phó sự cố ANM.

4.3.3.2. Thiết lập cơ chế phối hợp liên ngành rõ ràng

Theo đó, cần xác định rõ cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp trong từng nhóm hoạt động cụ thể. Cơ chế phối hợp liên ngành cần quy định cụ thể thời hạn xử lý đối với từng loại vụ việc.

4.3.3.3. Bảo đảm nguồn lực thực hiện pháp luật

Trước hết, cần bảo đảm nguồn lực ngân sách ổn định, phù hợp với yêu cầu bảo vệ ANM trong từng giai đoạn. Bên cạnh nguồn lực ngân sách, cần chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực ANM. Ngoài ra, cần bảo đảm hạ tầng kỹ thuật và công cụ công nghệ phục vụ thực hiện pháp luật về ANM. Việc đầu tư hạ tầng kỹ thuật cần được thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải, hình thức hoặc không phù hợp với năng lực vận hành thực tế.

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia, KGM đã trở thành môi trường quan trọng đối với hoạt động của Nhà nước, nền kinh tế và đời sống xã hội. Cùng với những lợi ích do công nghệ số mang lại, các nguy cơ xâm phạm ANM ngày càng gia tăng về quy mô, tính chất, mức độ phức tạp và hậu quả. ANM vì vậy không còn là vấn đề kỹ thuật đơn thuần, mà đã trở thành vấn đề chính trị - pháp lý, gắn trực tiếp với bảo vệ ANQG, TTATXH, chủ quyền quốc gia trên KGM, quyền con người, quyền công dân và sự phát triển bền vững của đất nước. Do đó, hoàn thiện pháp luật về ANM ở Việt Nam là yêu cầu khách quan, cấp thiết và có ý nghĩa chiến lược.

Luận án đã xác lập hệ tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện của pháp luật về ANM ở Việt Nam, gồm ba nhóm: nhóm tiêu chí về nội dung pháp luật, bao gồm tính đầy đủ, tính đồng bộ, khả năng thích ứng với công nghệ và mức độ bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức; nhóm tiêu chí về kỹ thuật pháp lý, bao gồm tính minh bạch và kỹ thuật lập pháp; nhóm tiêu chí về thực thi pháp luật, bao gồm tính khả thi và hiệu quả của cơ chế thực thi. Về thực trạng, luận án cho thấy pháp luật về ANM ở Việt Nam đã từng bước hình thành, phát triển từ các quy định phân tán trong pháp luật về công nghệ thông tin, viễn thông, giao dịch điện tử, an toàn thông tin mạng và xử lý vi phạm đến giai đoạn chuyên biệt hóa với Luật An ninh mạng năm 2018 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Việc Quốc hội thông qua Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15 tiếp tục thể hiện xu hướng hoàn thiện pháp luật theo hướng thống nhất, đồng bộ và phù hợp hơn với yêu cầu quản trị KGM trong bối cảnh chuyển đổi số. Tuy nhiên, pháp luật về ANM ở Việt Nam vẫn còn một số hạn chế, bất cập. Trên cơ sở đó, luận án đề xuất các nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật về ANM trên phương diện nội dung pháp luật và tổ chức thực thi.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Bùi Thị Thùy Dung (2022), *Sách chuyên khảo An ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.

2. Bùi Thị Thùy Dung (2023), *Giá trị tác phẩm “Chủ quyền không gian mạng - yêu cầu thời đại và nghĩa vụ quốc gia” với tiến trình hoàn thiện pháp luật về an ninh mạng*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Bình luận khoa học cuốn sách “Chủ quyền không gian mạng yêu cầu thời đại và nghĩa vụ quốc gia”, Hà Nội.

3. Bùi Thị Thùy Dung (2025), *Kiến nghị hoàn thiện pháp luật hình sự về an ninh mạng ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Quản lý Nhà nước, số 352 (5/2025), Hà Nội.

4. Bùi Thị Thùy Dung, Triệu Mạnh Tùng (2025), *Đổi mới tư duy pháp lý về an ninh mạng trong kỷ nguyên mới*, Tạp chí Cộng sản, Hà Nội.

5. Bùi Thị Thùy Dung (2025), *Kinh nghiệm quốc tế về quản lý tiền điện tử và những gợi mở cho Việt Nam*, Tạp chí Quản lý Nhà nước, số tháng 8/2025, Hà Nội.

6. Bùi Thị Thùy Dung (2025), *Nhận diện âm mưu chuyển hóa vấn đề trật tự, an toàn xã hội thành vấn đề an ninh quốc gia của các thế lực thù địch hiện nay*, Tạp chí Công an nhân dân số tháng 3/2025, Hà Nội.

7. Bùi Thị Thùy Dung (2025), *Âm mưu, hoạt động lợi dụng tôn giáo để chuyển hóa vấn đề trật tự, an toàn xã hội thành an ninh quốc gia trên không gian mạng hiện nay*, Tạp chí Lý luận Chính trị Công an nhân dân số tháng 10/2025, Hà Nội.